

TẠI HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 07/7/2022

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, đòi tài sản”, do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5658/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Anh Nguyễn An T, sinh năm 1984; Vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1960; Vắng Mặt,
3. Ông Nguyễn Trọng T1 (tức T2), sinh năm 1953; Có mặt.
4. Anh Nguyễn An L, sinh năm 1997; Có mặt.
5. Anh Nguyễn Vi C, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Cùng HKTT: số 40 Trần Duy H, phường Trung H1, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn
 Nghiêm D - Công ty Luật Nghiêm D1, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 40 Trần Duy H, phường Trung H1, quận Cầu G, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến L1 - Chủ tịch HĐQT; HKTT: số 11 ngõ 74 đường

Trường C, phường Phương M, quận Đống Đ, Hà Nội; Nay là ông Phan Văn T3- Giám đốc, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn Tây Đ2, xã Tam H1, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH B. Địa chỉ: Phòng 409, Tòa nhà CT4-1, Khu đô thị Mỹ Trì H4, phường Mỹ T5, quận Nam Từ L4, Hà Nội. Đại diện bởi: Luật sư Nguyễn Văn T4 - Giám đốc Công ty do bà Lê Thị Thanh H1 nhận ủy quyền. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đỗ Thị Khánh H2 - Công ty Luật TNHH B, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp sau cũng như tại phiên tòa, các đồng Nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn An T, bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Nguyễn Trọng T1 (tức T2), anh Nguyễn Vi C và anh Nguyễn An L là đồng sở hữu khối tài sản nhà đất ở số 40 phố Trần Duy H, phường Trung H1, quận Cầu G theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 915647 do Ủy ban nhân dân quận Cầu G, Thành phố Hà Nội ký cấp ngày 10/5/2011 (BL 52). Theo Giấy chứng nhận thì các ông bà và các anh là người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 38-1P, tờ bản đồ số 03, DT 495,8m² tại địa chỉ tổ 04, phường Trung H1, quận Cầu G (40 Trần Duy H).

Ngày 01/7/2010, ông bà và các anh ký Hợp đồng thuê tài sản (5 hợp đồng riêng biệt) với bên cho thuê tài sản là ông Nguyễn Trọng T1 (T2); bà Nguyễn Thị Ngọc A; anh Nguyễn An T; anh Nguyễn Vi C và anh Nguyễn An L; và bên thuê tài sản là Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 (bên B).

Các bên thỏa thuận về địa điểm và tài sản cho thuê là nhà và đất ở tại số 40 Trần Duy H. Thời hạn thuê từ 01/7/2010- 31/12/2014. Sau thời hạn trên nếu các bên vẫn có nhu cầu hợp tác thì tiếp tục gia hạn tối thiểu thêm 02 năm, và điều chỉnh giá thuê tài sản theo thỏa thuận.

Trong 5 người ký cho thuê tài sản, chỉ có bà A, anh T, anh C là người ký thêm Phụ lục hợp đồng thuê tài sản với bên B ngày 22/12/2015; thời gian tính từ 01/01/2016- 31/12/2021. Các Hợp đồng còn lại vẫn tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận miệng.

Thực tế các bên thực hiện hợp đồng thuê tài sản đến 31/12/2018, và bên B đã thanh toán đủ tiền thuê tài sản cho bên A. Kể từ 01/01/2019 bên A không nhận được tiền thuê do bên B trả.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án căn cứ pháp luật xử: hủy Hợp đồng cho thuê tài sản, trả lại tài sản cho các đồng nguyên đơn; yêu cầu bị đơn tự chuyển tài sản đi nơi khác và đền bù thiệt hại.

Bị đơn Công ty CP phát triển Công nghệ Bia Việt T2 (sau đây gọi tắt là Công ty Bia Việt Tiệp) do người nhận ủy quyền trình bày:

Theo trình bày của người nhận ủy quyền là ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Phương T4: Công ty Bia Việt T1 nhất trí lời trình bày của các đồng

nguyên đơn v/v ngày 01/07/2010 Công ty Bia Việt T1 có ký từng Hợp đồng thuê tài sản với từng nguyên đơn như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng trên tinh thần hợp tác, và theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên tháng 10/2018 khi Công ty Bia Việt T1 báo với chủ nhà v/v sáp nhập hoạt động giữa nhà hàng Hoa V và Công ty Bia Việt T1 thì đại diện chủ nhà đề xuất phải tăng giá nhà ít nhất 15.000 USD ngay tại thời điểm 2019 tức là tăng 50% giá thuê cũ, nếu Công ty Bia Việt T1 không chấp nhận thì vẫn tiếp tục Hợp đồng đã ký nhưng đến thời điểm hết năm 2021 sẽ không cho thuê nữa. Đề xuất của chủ nhà đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của hợp đồng thuê tài sản và phụ lục hợp đồng liên quan, gây khó khăn cho Công ty Bia Việt T1 do không xây dựng được chiến lược kinh doanh lâu dài tại 40 phố Trần Duy H; dẫn đến thiệt hại tài sản cho Công ty Bia Việt T1 mà trước mắt khung nhà Công ty Bia Việt T1 đã đầu tư xây dựng trên đất đã thuê. Sau nhiều lần trao đổi quan điện thoại, email, ngày 07/12/2018 Công ty Bia Việt T1 có Thông báo số 08/2018/BVT với chủ nhà v/v thanh lý hợp đồng và yêu cầu các đồng chủ nhà thực hiện thanh toán tiền xây phần khung nhà mà Công ty Bia Việt T1 đã lắp đặt lên theo thỏa thuận trước đây.

Nếu chấm dứt hợp đồng thuê nhà thì chủ nhà phải đền bù cho Công ty Bia Việt T1 giá trị khung nhà đã xây dựng trên đất thuê.

Người nhận ủy quyền tiếp sau là Công ty Luật TNHH B đại diện bởi Luật sư Nguyễn Văn T4 ngày 21/12/2020 có quan điểm theo văn bản và tại phiên tòa như sau: Nhất trí như quan điểm của người nhận ủy quyền trước đó đã trình bày. Công ty Bia Việt T1 không nhất trí với yêu cầu của các nguyên đơn về việc dỡ bỏ tài sản trên đất thuê; mà yêu cầu các nguyên đơn phải thanh toán cho Công ty Bia Việt T1 số tiền 1.500.000.000đ với lý do sau: Phần khung nhà do Công ty xây trên đất thuê từ năm 2010 và được dựa trên cơ sở sự bàn bạc, nhất trí giữa 2 bên. Các nguyên đơn biết và đồng ý với việc xây dựng này, đồng thời các nguyên đơn cũng tích cực hỗ trợ Công ty Bia Việt T1 trong quá trình xây dựng. Bởi lẽ các nguyên đơn hiểu rõ nếu không có công trình này thì Công ty Bia Việt T1 sẽ không thể thực hiện được mục đích kinh doanh và việc xây dựng cũng làm gia tăng giá trị thương mại tài sản thuê của nguyên đơn. Nên nguyên đơn không có cơ sở để yêu cầu Công ty Bia Việt T1 dỡ bỏ tài sản này. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 479 BLDS 2015: “bên thuê có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí hợp lý”, vì vậy Công ty Bia Việt T1 yêu cầu các đồng nguyên đơn phải thanh toán cho Công ty Bia Việt T1 phần giá trị thực tế của công trình xây dựng này. Theo báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Bia Việt T1, phần khung nhà này được ghi nhận giá trị là 2.869.906.884đ. Đến thời điểm hiện nay, giá trị của công trình còn khoảng 60% theo biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2020 của hội đồng định giá tài sản, vì vậy trên tinh thần thiện chí, Công ty Bia Việt T1 đề nghị các đồng nguyên đơn phải liên đới trả cho Công ty Bia Việt T1 số tiền là 1,5 tỷ đồng. Sau khi nhận được đầy đủ số tiền thanh toán nói trên từ các đồng nguyên đơn, Công ty Bia Việt T1 sẽ bàn giao lại mặt bằng và tài sản thuê cho các đồng nguyên đơn.

Công ty Bia Việt T1 không đồng ý với yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền thuê nhà chưa trả từ 01/01/2019 đến thời điểm hoàn trả lại nhà đất bởi lẽ thời hạn hợp đồng thuê nhà giữa ông T, anh C, anh L và anh A đã kết thúc vào ngày 31/12/2014. Sau thời gian này, các bên không giao kết thêm văn bản gia hạn hay thuê mới nào với nhau. Riêng bà A, anh T, anh C đã ký kết với Công ty Bia Việt T1 phụ lục hợp đồng thuê tài sản vào ngày 22/12/2015. Tuy vậy, trong phụ lục này chỉ thay đổi khoản 3.1 về giá thuê theo thời gian và bảng giá mà không quy định cụ thể về thời hạn của hợp đồng. Do vậy, khi bên thuê không còn nhu cầu sử dụng tài sản thuê thì hợp đồng thuê cũng chấm dứt hiệu lực. Trên thực tế, từ cuối năm 2018, Công ty Bia Việt T1 đã ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh tại văn phòng, nhà hàng. Toàn bộ phần tài sản mà Công ty Bia Việt T1 thuê bị bỏ trống, không có nhân viên, cơ sở vật chất, không có khách hàng. Nguyên đơn biết rõ tình hình kinh doanh thực tế, tình hình thực hiện hợp đồng giữa hai bên mà vẫn đưa ra yêu cầu thanh toán tiền thuê nhà cho toàn bộ thời gian mà hợp đồng đã chấm dứt, Công ty Bia Việt T1 không sử dụng là vô lý.

Công ty Bia Việt T1 đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn và buộc nguyên đơn thanh toán trả Công ty Bia Việt T1 1,5 tỷ đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 37 ; Điều 271; 272; 273 của BLTTDS.

Căn cứ các Điều 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482 của BLDS 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn An T, anh Nguyễn Vi C, anh Nguyễn An L, ông Nguyễn Trọng T1 (tức T2), bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản với Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2.

2. Xác định Hợp đồng thuê tài sản giữa ông Nguyễn Trọng T1 (tức T2), anh Nguyễn An L và Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 ký kết ngày 01/7/2010 đã hết hiệu lực.

Chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng thuê tài sản giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A, anh Nguyễn An T, anh Nguyễn Vi C và Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 ký kết ngày 01/7/2010 và phụ lục hợp đồng thuê tài sản do bà A, anh T, anh C và Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 ký kết ngày 22/12/2015.

Các bên không phải bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản.

Buộc Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải giao trả toàn bộ nhà đất số 40 phố Trần Duy H cho anh Nguyễn An T, anh Nguyễn Vi C, anh Nguyễn An L, ông Nguyễn Trọng T1 (tức T2), bà Nguyễn Thị Ngọc A.

3. Buộc Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải thanh toán trả tiền thuê tài sản cho bà Nguyễn Thị Ngọc A từ 01/1/2019 đến 28/5/2021 là 1.571.885.368đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

Buộc Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải thanh toán trả tiền thuê tài sản cho Anh Nguyễn An T từ 01/1/2019 đến 28/5/2021 là 1.571.885.368đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

Buộc Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải thanh toán trả tiền thuê tài sản cho Anh Nguyễn Vi C từ 01/1/2019 đến 28/5/2021 là 1.571.885.368đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T1 (tức T2) và anh Nguyễn An L về việc yêu cầu Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải thanh toán trả tiền thuê tài sản kể từ 1/1/2019 đến 31/12/2021.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc A, anh Nguyễn An T, anh Nguyễn Vi C về việc yêu cầu Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải thanh toán tiền thuê tài sản đến khi nhận tài sản cho thuê.

5. Đình chỉ yêu cầu của các nguyên đơn về việc buộc Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 phải tháo dỡ tài sản nội thất đi nơi khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2021, Bị đơn Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Phía Bị đơn yêu cầu phía Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho Bị đơn số tiền là 500.000.000đ. Mỗi nguyên đơn có trách nhiệm trả cho bị đơn 100.000.000đ; Phía Bị đơn đề nghị và phía Nguyên đơn đồng ý thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản thỏa thuận này; Phía Bị đơn cam kết lập biên bản bàn giao toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ số 40 Trần Duy H cho các Nguyên Đơn tại thời điểm Bị đơn nhận được đầy đủ số tiền 500.000.000đ từ các Nguyên đơn; về án phí bên Nguyên đơn và Bị đơn mỗi bên phải chịu 50%; các bên cam kết sẽ không thực hiện việc khởi kiện, khiếu nại gì liên quan đến vụ án này cũng như liên quan đến nhà đất tại địa chỉ số 40 Trần Duy H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; Điều 308; Điều 309 BLTTDS; Sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự; luận cứ của Luật sư; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện VKSND TP. Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Bị đơn Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết, là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn An T; Bà Nguyễn Thị Ngọc A; anh Nguyễn Vi C. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Ông Vũ Tiến L1 và đại diện theo ủy quyền Phan Văn T. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Xét nội dung thỏa thuận: Phía Bị đơn yêu cầu phía Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho Bị đơn số tiền là 500.000.000đ. Mỗi nguyên đơn có trách nhiệm trả cho bị đơn 100.000.000đ; Phía Bị đơn đề nghị và phía Nguyên đơn đồng ý thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản thỏa thuận này; Phía Bị đơn cam kết lập biên bản bàn giao toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ số 40 Trần Duy H cho các Nguyên Đơn tại thời điểm Bị đơn nhận được đầy đủ số tiền 500.000.000đ từ các Nguyên đơn; về án phí bên Nguyên đơn và Bị đơn mỗi bên phải chịu 50%; các bên cam kết sẽ không thực hiện việc khởi kiện, khiếu nại gì liên quan đến vụ án này cũng như liên quan đến nhà đất tại địa chỉ số 40 Trần Duy H. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Lệ phí và án phí:

- Lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản do các nguyên đơn chịu cả và đã thanh toán xong.

- Án phí Dân sự phúc thẩm: Các Nguyên đơn anh Nguyễn An T, anh Nguyễn Vi C, anh Nguyễn An L phải chịu 300.000.000đ; Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Do bà A đã trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.; Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Do ông T đã trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội. Do các Nguyên đơn và Bị đơn thỏa thuận mỗi bên phải chịu 50% án phí, nên các Nguyên đơn anh Nguyễn An T, anh Nguyễn Vi C, anh Nguyễn An L mỗi người phải chịu 150.000đ và Bị đơn Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 Phải chịu 450.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của BLTTDS; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Phía Bị đơn yêu cầu phía Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho Bị đơn số tiền là 500.000.000đ, mỗi nguyên đơn có trách nhiệm trả cho bị đơn 100.000.000đ; Phía Bị đơn đề nghị và phía Nguyên đơn đồng ý thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản thỏa thuận này; Phía Bị đơn cam kết lập biên bản bàn giao toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ số 40 Trần Duy H cho các Nguyên Đơn tại thời điểm Bị đơn nhận được đầy đủ số tiền 500.000.000đ từ các Nguyên đơn; về án phí bên nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 50%; Các bên cam kết sẽ không thực hiện việc khởi kiện, khiếu nại gì liên quan đến vụ án này cũng như liên quan đến nhà đất tại địa chỉ số 40 Trần Duy H.

2. Án phí:

Anh Nguyễn An T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng. Và được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại BL thu tiền số 0006878 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu G, Hà Nội.

Anh Nguyễn Vi C phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng. Và được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại BL thu tiền số 0013849 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn An L phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng. Và được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại BL thu tiền số 0013848 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị đơn Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Bia Việt T2 Phải chịu Dân sự phúc thẩm là 450.000đ. Và được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại BL thu tiền số 0000297 ngày 06/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Miễn toàn bộ án phí cho Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Hoàn trả ông Nguyễn Trọng T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại BL thu tiền số 0013847 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ngọc A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại BL thu tiền số 0013850 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hà

